

Số 622 /BGDDĐT-ĐANN

V/v báo cáo tình hình  
dạy và học ngoại ngữ năm 2021

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Để tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân năm 2021 và triển khai hiệu quả Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các nội dung sau:

1. Báo cáo tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021 của địa phương theo mẫu Đề cương báo cáo gửi kèm Công văn (Phụ lục 1). Địa chỉ tải đề cương báo cáo: <http://ngoaingNguocgia.moet.gov.vn>.

Bản mềm Báo cáo gửi về địa chỉ [dean2080@moet.gov.vn](mailto:dean2080@moet.gov.vn); bản in gửi về Bộ GDĐT (qua Ban Quản lý Đề án Ngoại ngữ Quốc gia) **trước ngày 30/3/2022** theo địa chỉ: Số 18 ngõ 30, Phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Chỉ đạo các Sở GDĐT, các trường đại học trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các nội dung sau:

2.1. Cập nhật số liệu và báo cáo về tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021.

- Đối với các Sở GDĐT:

+ Cập nhật số liệu về tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021 trên Hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn> (*Đề nghị tham khảo tài liệu hướng dẫn thực hiện báo cáo trên phần mềm*) **trước ngày 25/3/2022**.

+ Rà soát và hoàn thiện việc cập nhật cơ sở dữ liệu giáo viên ngoại ngữ các cấp học phổ thông tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn>.

+ Đôn đốc, rà soát, kiểm tra, duyệt dữ liệu báo cáo của các Phòng GDĐT và các đơn vị trực thuộc.

(Lưu ý:

- Hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành cho phép các đơn vị cập nhật tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021 từ ngày 20/02/2022 đến hết ngày 25/3/2022, Tài liệu hướng dẫn sử dụng được cung cấp trực tuyến trên phần mềm sau khi đăng nhập;

- Hỗ trợ về nội dung báo cáo, biểu mẫu thống kê: liên hệ với Ban Quản lý Đề án Ngoại ngữ Quốc gia qua số điện thoại (024) 36231614 – 32151128, email: dean2080@moet.gov.vn.

- Hỗ trợ thông tin triển khai phần mềm cơ sở dữ liệu toàn ngành: liên hệ với Cục Công nghệ thông tin, email: csdl@moet.edu.vn.

- Hỗ trợ kỹ thuật sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu toàn ngành: liên hệ hotline 19004740, email: csdl@moet.edu.vn hoặc qua hệ thống hỗ trợ trực tuyến.

+ Báo cáo về tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021 (Phụ lục 2 và các biểu mẫu báo cáo gửi kèm theo Công văn). Địa chỉ tải các biểu mẫu báo cáo: <http://ngoainguquocgia.moet.gov.vn>.

- Đối với các trường đại học thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

+ Cập nhật số liệu về tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021 theo các biểu mẫu gửi kèm Công văn.


+ Báo cáo tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021 theo mẫu Đề cương báo cáo (Phụ lục 3).

Địa chỉ tải các biểu mẫu báo cáo: <http://ngoainguquocgia.moet.gov.vn>.

2.2. Chỉ đạo các đơn vị gửi bản mềm bảng tổng hợp số liệu đã được cập nhật và báo cáo tình hình dạy và học ngoại ngữ năm 2021 về địa chỉ dean2080@moet.gov.vn; bản in gửi về Bộ GDĐT qua Ban Quản lý Đề án Ngoại ngữ Quốc gia **trước ngày 30/3/2022** theo địa chỉ: Số 18 ngõ 30, Phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Thông tin chi tiết liên hệ: Ban Quản lý Đề án Ngoại ngữ Quốc gia, điện thoại (024) 36231614 – 32151128, email: dean2080@moet.gov.vn.

Bộ GDĐT đề nghị các đơn vị gửi báo cáo về Bộ GDĐT đúng thời hạn quy định.

Trân trọng./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Sở GDĐT (để thực hiện);
- Các Vụ GDMN, GDTH, GDTTH, GĐH, GDTX, CTHSSV, KHTC, Cục NG&CBQLGD, QLCL, CNTT (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐANN.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG  
  
  
Nguyễn Hữu Độ

## **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

### **Phụ lục 1**

### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

#### **Tình hình thực hiện việc dạy và học ngoại ngữ năm 2021**

*(Dành cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*

*(Kèm theo Công văn số 622/BGDĐT-ĐANN ngày 28/02/2022)*

**UBND tỉnh.....**

Số: /BC-

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2022

### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

#### **Tình hình thực hiện việc dạy và học ngoại ngữ năm 2021**

- Các căn cứ

#### **1. Các hoạt động đã thực hiện năm 2021**

*1.1. Công tác xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017*

- Các văn bản đã ban hành trong năm 2021 liên quan đến công tác xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017;

- Việc bổ sung, kiện toàn ban chỉ đạo, thực hiện Đề án.

*1.2. Hoạt động xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu dạy và học ngoại ngữ*

a) Đối với giáo dục mầm non

Việc triển khai chương trình cho trẻ mầm non làm quen tiếng Anh.

b) Đối với giáo dục phổ thông

- Việc triển khai chương trình tiếng Anh hệ 10 năm (lớp 3-12);

- Việc triển khai chương trình các môn ngoại ngữ thuộc Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018;

- Việc triển khai chương trình làm quen tiếng Anh lớp 1 và lớp 2;



- Việc triển khai các chương trình ngoại ngữ khác;
- Việc triển khai dạy tích hợp ngoại ngữ trong một số môn học khác, dạy một số môn học khác (như môn Toán và các môn khoa học) bằng ngoại ngữ;
- Cung cấp ngắn gọn các số liệu theo biểu mẫu kèm theo Công văn.

c) Đối với giáo dục đại học

- Việc nghiên cứu, đánh giá, hoàn thiện, xây dựng và ban hành các chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành đào tạo;
- Việc thực hiện lộ trình áp dụng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ.
- Việc lựa chọn, triển khai một số một số chương trình đào tạo giáo viên bằng ngoại ngữ phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực hiện của đơn vị.
- Việc triển khai dạy tích hợp ngoại ngữ trong một số môn học khác, dạy một số môn học khác, chuyên ngành bằng ngoại ngữ theo nhu cầu và điều kiện thực hiện của đơn vị.

d) Đối với giáo dục nghề nghiệp

- Việc nghiên cứu, đánh giá, hoàn thiện, xây dựng và ban hành các chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành nghề đào tạo;
- Việc thực hiện lộ trình áp dụng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ;
- Việc lựa chọn một số môn học và môn chuyên ngành, nghề phù hợp để hướng dẫn xây dựng, thực hiện lộ trình triển khai dạy tích hợp ngoại ngữ trong một số môn học khác, dạy một số môn chuyên ngành, nghề bằng ngoại ngữ.

*1.3. Hoạt động bồi dưỡng phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ, công chức*

*1.3.1. Việc bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên ngoại ngữ các cấp học phổ thông*

**- Theo kinh phí trung ương:**

- + Tổng số chỉ tiêu bồi dưỡng được giao, cụ thể số chỉ tiêu về năng lực ngoại ngữ và số chỉ tiêu về năng lực sư phạm;
- + Tổng số chỉ tiêu đã thực hiện, cụ thể số chỉ tiêu về năng lực ngoại ngữ và số chỉ tiêu về năng lực sư phạm;
- + Kết quả bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, năng lực sư phạm;
- + Đề xuất chỉ tiêu và nội dung bồi dưỡng giáo viên phổ thông năm 2021.

**- Theo kinh phí địa phương:**

- + Tổng số chỉ tiêu đã thực hiện, cụ thể số chỉ tiêu về năng lực ngoại ngữ và số chỉ tiêu về năng lực sư phạm;

+ Kết quả bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, năng lực sư phạm.

*1.3.2. Việc tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giáo viên, giảng viên (không bao gồm giáo viên, giảng viên ngoại ngữ) cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị*

- Việc tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giáo viên, giảng viên (không bao gồm giáo viên, giảng viên ngoại ngữ);

- Việc tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

*1.4. Hoạt động đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế*

- Việc phát triển ngân hàng câu hỏi thi, đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ; ngân hàng dữ liệu về kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ;

- Việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về khảo thí ngoại ngữ;

- Việc nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên đảm bảo chất lượng dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế;

- Việc tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

*1.5. Hoạt động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường điều kiện dạy và học ngoại ngữ*

- Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ;

- Việc nâng cấp, mua sắm trang thiết bị tối thiểu phục vụ dạy và học ngoại ngữ;

- Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả mua sắm, sử dụng và quản lý trang thiết bị dạy và học ngoại ngữ.

*1.6. Hoạt động đẩy mạnh truyền thông, hợp tác quốc tế và xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào học ngoại ngữ*

- Việc tổ chức truyền thông về việc dạy và học ngoại ngữ;

- Việc tổ chức triển khai hợp tác, hội nhập quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ;

- Việc phát triển và nhân rộng mô hình tự học, tự nâng cao trình độ và sử dụng ngoại ngữ; tăng cường xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào giáo viên, giảng viên, sinh viên cùng học ngoại ngữ;

- Việc xây dựng, giới thiệu các chương trình ngoại ngữ, hoạt động sử dụng ngoại ngữ trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng, tạo cơ hội tiếp cận ngoại ngữ cho nhiều đối tượng khác nhau;

- Việc phát động phong trào học ngoại ngữ sâu rộng trong các nhà trường và đơn vị.

#### *1.7. Công tác xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ*

- Các hoạt động, minh chứng thể hiện việc xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ tại đơn vị;

- Việc nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo cơ chế tự chủ;

- Việc nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của các trung tâm ngoại ngữ trực thuộc trong việc dạy và học ngoại ngữ ngoài nhà trường.

#### *1.8. Hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đánh giá*

Đơn vị liệt kê các hoạt động hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đánh giá dạy và học ngoại ngữ tại đơn vị;

- + Tổng số hoạt động đã tổ chức;

- + Tổng số giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên đã tham gia;

#### *1.9. Hoạt động nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án*

- Việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án cho đội ngũ cán bộ quản lý Đề án tại đơn vị;

- Việc thực hiện báo cáo trực tiếp và trực tuyến theo hướng dẫn của đơn vị và Bộ GDĐT;

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất việc triển khai thực hiện Đề án tại đơn vị.

#### *1.10. Các hoạt động khác (nếu có)*

### **2. Tình hình sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân**

#### *2.1. Ngân sách trung ương*

- Kinh phí được giao

- Kinh phí quyết toán

- Nhiệm vụ thực hiện

- Kết quả đạt được

#### *2.2. Ngân sách địa phương*

- Kinh phí được giao

- Kinh phí quyết toán
- Nhiệm vụ thực hiện
- Kết quả đạt được

### **3. Đánh giá chung**

#### *3.1. Thuận lợi*

#### *3.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân*

### **4. Đề xuất, kiến nghị**

#### *4.1. Với Chính phủ*

#### *4.2. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo*

#### **Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT;
- BQL Đề án NNQG;
- ...
- Lưu: ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

# **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

## **Phụ lục 2**

### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

#### **Tình hình thực hiện việc dạy và học ngoại ngữ năm 2021**

*(Dành cho các Sở Giáo dục và Đào tạo)*

*(Kèm theo Công văn số 622 /BGDDT-ĐANN ngày 28 /02/2022)*

**Tên cơ quan.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-

....., ngày tháng năm 2022

### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

#### **Tình hình thực hiện việc dạy và học ngoại ngữ năm 2021**

- Các căn cứ

#### **1. Các hoạt động đã thực hiện năm 2021**

*1.1. Công tác xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017*

- Các văn bản đã ban hành trong năm 2021 liên quan đến công tác xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017;

- Việc bổ sung, kiện toàn ban chỉ đạo, thực hiện Đề án.

*1.2. Hoạt động xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu dạy và học ngoại ngữ*

a) Đối với giáo dục mầm non

Việc triển khai chương trình cho trẻ mầm non làm quen tiếng Anh.

b) Đối với giáo dục phổ thông

- Việc triển khai chương trình tiếng Anh hệ 10 năm (lớp 3-12);

- Việc triển khai chương trình các môn ngoại ngữ thuộc Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018;

- Việc triển khai chương trình làm quen tiếng Anh lớp 1 và lớp 2;



- Việc triển khai các chương trình ngoại ngữ khác;
- Việc triển khai dạy tích hợp ngoại ngữ trong một số môn học khác, dạy một số môn học khác (như môn Toán và các môn khoa học) bằng ngoại ngữ;
- Cung cấp ngắn gọn các số liệu theo biểu mẫu kèm theo Công văn.

c) Đối với giáo dục đại học

- Việc nghiên cứu, đánh giá, hoàn thiện, xây dựng và ban hành các chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành đào tạo;
- Việc thực hiện lộ trình áp dụng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ.
- Việc lựa chọn, triển khai một số một số chương trình đào tạo giáo viên bằng ngoại ngữ phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực hiện của đơn vị.
- Việc triển khai dạy tích hợp ngoại ngữ trong một số môn học khác, dạy một số môn học khác, chuyên ngành bằng ngoại ngữ theo nhu cầu và điều kiện thực hiện của đơn vị.

d) Đối với giáo dục nghề nghiệp

- Việc nghiên cứu, đánh giá, hoàn thiện, xây dựng và ban hành các chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành nghề đào tạo;
- Việc thực hiện lộ trình áp dụng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ;
- Việc lựa chọn một số môn học và môn chuyên ngành, nghề phù hợp để hướng dẫn xây dựng, thực hiện lộ trình triển khai dạy tích hợp ngoại ngữ trong một số môn học khác, dạy một số môn chuyên ngành, nghề bằng ngoại ngữ.

*1.3. Hoạt động bồi dưỡng phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ, công chức*

*1.3.1. Việc bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên ngoại ngữ các cấp học phổ thông*

**- Theo kinh phí trung ương:**

- + Tổng số chỉ tiêu bồi dưỡng được giao, cụ thể số chỉ tiêu về năng lực ngoại ngữ và số chỉ tiêu về năng lực sư phạm;
- + Tổng số chỉ tiêu đã thực hiện, cụ thể số chỉ tiêu về năng lực ngoại ngữ và số chỉ tiêu về năng lực sư phạm;
- + Kết quả bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, năng lực sư phạm;
- + Đề xuất chỉ tiêu và nội dung bồi dưỡng giáo viên phổ thông năm 2022.

**- Theo kinh phí địa phương:**

- + Tổng số chỉ tiêu đã thực hiện, cụ thể số chỉ tiêu về năng lực ngoại ngữ và số chỉ tiêu về năng lực sư phạm;

+ Kết quả bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, năng lực sư phạm.

*1.3.2. Việc tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giáo viên, giảng viên (không bao gồm giáo viên, giảng viên ngoại ngữ) cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị*

- Việc tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giáo viên, giảng viên (không bao gồm giáo viên, giảng viên ngoại ngữ);

- Việc tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

*1.4. Hoạt động đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế*

- Việc phát triển ngân hàng câu hỏi thi, đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ; ngân hàng dữ liệu về kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ;

- Việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về khảo thí ngoại ngữ;

- Việc nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên đảm bảo chất lượng dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế;

- Việc tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

*1.5. Hoạt động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường điều kiện dạy và học ngoại ngữ*

- Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ;

- Việc nâng cấp, mua sắm trang thiết bị tối thiểu phục vụ dạy và học ngoại ngữ;

- Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả mua sắm, sử dụng và quản lý trang thiết bị dạy và học ngoại ngữ.

*1.6. Hoạt động đẩy mạnh truyền thông, hợp tác quốc tế và xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào học ngoại ngữ*

- Việc tổ chức truyền thông về việc dạy và học ngoại ngữ;

- Việc tổ chức triển khai hợp tác, hội nhập quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ;

- Việc phát triển và nhân rộng mô hình tự học, tự nâng cao trình độ và sử dụng ngoại ngữ; tăng cường xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào giáo viên, giảng viên, sinh viên cùng học ngoại ngữ;

- Việc xây dựng, giới thiệu các chương trình ngoại ngữ, hoạt động sử dụng ngoại ngữ trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng, tạo cơ hội tiếp cận ngoại ngữ cho nhiều đối tượng khác nhau;

- Việc phát động phong trào học ngoại ngữ sâu rộng trong các nhà trường và đơn vị.

#### *1.7. Công tác xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ*

- Các hoạt động, minh chứng thể hiện việc xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ tại đơn vị;

- Việc nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo cơ chế tự chủ;

- Việc nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của các trung tâm ngoại ngữ trực thuộc trong việc dạy và học ngoại ngữ ngoài nhà trường.

#### *1.8. Hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đánh giá*

Đơn vị liệt kê các hoạt động hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đánh giá dạy và học ngoại ngữ tại đơn vị;

+ Tổng số hoạt động đã tổ chức;

+ Tổng số giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên đã tham gia;

#### *1.9. Hoạt động nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án*

- Việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án cho đội ngũ cán bộ quản lý Đề án tại đơn vị;

- Việc thực hiện báo cáo trực tiếp và trực tuyến theo hướng dẫn của đơn vị và Bộ GDĐT;

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất việc triển khai thực hiện Đề án tại đơn vị.

#### *1.10. Các hoạt động khác (nếu có)*

### **2. Tình hình sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân**

#### *2.1. Ngân sách trung ương*

- Kinh phí được giao

- Kinh phí quyết toán

- Nhiệm vụ thực hiện

- Kết quả đạt được

#### *2.2. Ngân sách địa phương*

- Kinh phí được giao

- Kinh phí quyết toán
- Nhiệm vụ thực hiện
- Kết quả đạt được

### **3. Đánh giá chung**

#### *3.1. Thuận lợi*

#### *3.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân*

### **4. Đề xuất, kiến nghị**

#### *4.1. Với Chính phủ*

#### *4.2. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo*

#### **Nơi nhận:**

- Bộ GDĐT;
- BQL Đề án NNQG;
- ...
- Lưu: ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BIỂU 1**

**Số lượng trường, lớp, giáo viên, học sinh học tiếng Anh cấp Tiểu học**

	Tổng số trường	Số lớp	Số học sinh học tiếng Anh			Số giáo viên tiếng Anh		Số trường học tiếng Anh			
			Tổng số	Học sinh lớp 1, 2	Học sinh lớp 3	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	2 tiết/tuần	3 tiết/tuần	4 tiết/tuần	Hơn 4 tiết/tuần
Chương trình thí điểm hệ 10 năm											
Chương trình GDPT 2018 môn ngoại ngữ											

# BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

## BIỂU 2

Số lượng trường, lớp, giáo viên, học sinh học tiếng Anh cấp Trung học cơ sở

	Tổng số trường	Số lớp	Số học sinh học tiếng Anh	Số giáo viên tiếng Anh		Số trường học tiếng Anh			
				Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	2 tiết/tuần	3 tiết/tuần	4 tiết/tuần	Hơn 4 tiết/tuần
I. Dạy và học tiếng Anh là Ngoại ngữ 1									
Chương trình hệ 7 năm									
Chương trình thí điểm hệ 10 năm									
Chương trình khác (ghi rõ chương trình)									
II. Dạy và học tiếng Anh là Ngoại ngữ 2									
Chương trình hệ 7 năm									
Chương trình khác (ghi rõ chương trình)									

## BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

### BIỂU 3

Số lượng trường, lớp, giáo viên, học sinh học tiếng Anh cấp Trung học phổ thông

	Tổng số trường	Số lớp	Số học sinh học tiếng Anh	Số giáo viên tiếng Anh		Số trường học tiếng Anh		
				Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Dưới 3 tiết/tuần	3 tiết/tuần	Hơn 3 tiết/tuần
I. Dạy và học tiếng Anh là Ngoại ngữ 1								
Chương trình hệ 7 năm								
Chương trình thí điểm hệ 10 năm								
Chương trình khác (ghi rõ chương trình)								
II. Dạy và học tiếng Anh là Ngoại ngữ 2								
Chương trình hệ 7 năm								
Chương trình khác (ghi rõ chương trình)								

## BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

### BIỂU 4

#### Số lượng trường, lớp, giáo viên, học sinh học ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh

TT	Nội dung	Tiếng Nga			Tiếng Đức			Tiếng Pháp				Tiếng Hàn			Tiếng Trung			Tiếng Nhật		
		CT hệ 7 năm	CT Chuyên	CT khác	CT ngoại ngữ 2	CT Chuyên	CT khác	CT hệ 7 năm	CT song ngữ	CT Chuyên	CT khác	CT ngoại ngữ 2	CT Chuyên	CT khác	CT hệ 7 năm	CT Chuyên	CT khác	CT hệ 7 năm	CT Chuyên	CT khác
I. CẤP TIỂU HỌC																				
1	Số trường																			
2	Số lớp																			
3	Số học sinh																			
4	Số giáo viên																			
II. CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ																				
1	Số trường																			
2	Số lớp																			
3	Số học sinh																			
4	Số																			



	giáo viên																			
<b>III. CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG</b>																				
1	Số trường																			
2	Số lớp																			
3	Số học sinh																			
4	Số giáo viên																			

## **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

### **Phụ lục 3**

### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

#### **Tình hình thực hiện việc dạy và học ngoại ngữ năm 2021**

*(Dành cho các trường đại học trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)*

*(Kèm theo Công văn số 622/BGDDT-ĐANN ngày 28 02/2022)*

**Tên cơ quan.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-

....., ngày tháng năm 2022

### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

#### **Tình hình thực hiện việc dạy và học ngoại ngữ năm 2021**

- Các căn cứ

#### **1. Các hoạt động đã thực hiện năm 2021**

*1.1. Công tác xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017*

- Các văn bản đã ban hành trong năm 2021 liên quan đến công tác xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017;

- Việc bổ sung, kiện toàn ban chỉ đạo, thực hiện Đề án.

*1.2. Hoạt động xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu dạy và học ngoại ngữ*

- Việc nghiên cứu, đánh giá, hoàn thiện, xây dựng và ban hành các chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành nghề đào tạo;

- Việc xây dựng, thực hiện lộ trình áp dụng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ;

- Việc triển khai các chương trình đào tạo giáo viên ngoại ngữ theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và khung năng lực giáo viên ngoại ngữ;

- Việc triển khai dạy tích hợp ngoại ngữ trong một số môn học khác, dạy một số môn học khác, chuyên ngành bằng ngoại ngữ theo nhu cầu và điều kiện thực hiện của đơn vị.

*1.3. Hoạt động đổi mới kiểm tra, đánh giá trong hoạt động dạy và học ngoại ngữ*

- Việc thực hiện, đánh giá và hoàn thiện bộ quy trình tổ chức kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ trong dạy và học ngoại ngữ;

- Việc phát triển ngân hàng câu hỏi thi, đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, ngân hàng dữ liệu về kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ dùng chung;

- Việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về khảo thí ngoại ngữ;

- Việc nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm tra, đánh giá định kỳ và thường xuyên đảm bảo tính minh bạch, chính xác và chất lượng dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế.

#### *1.4. Hoạt động bồi dưỡng phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ, công chức*

##### *1.4.1. Việc bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giảng viên của nhà trường*

- Việc tổ chức các khóa bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ/tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ cho giảng viên ngoại ngữ và giảng viên dạy chuyên ngành bằng ngoại ngữ;

- Việc tổ chức các khóa bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ sư phạm.

##### *1.4.2. Việc tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị*

##### *1.4.3. Việc bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên ngoại ngữ các cấp học phổ thông*

- Tổng số chỉ tiêu bồi dưỡng được giao, cụ thể số chỉ tiêu về năng lực ngoại ngữ và số chỉ tiêu về năng lực sư phạm;

- Tổng số chỉ tiêu đã thực hiện, cụ thể số chỉ tiêu về năng lực ngoại ngữ và số chỉ tiêu về năng lực sư phạm;

- Kết quả bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, năng lực sư phạm.

#### *1.5. Hoạt động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường điều kiện dạy và học ngoại ngữ*

- Việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ;

- Việc nâng cấp, mua sắm trang thiết bị tối thiểu phục vụ dạy và học ngoại ngữ;

- Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả mua sắm, sử dụng và quản lý trang thiết bị dạy và học ngoại ngữ.

#### *1.6. Hoạt động đẩy mạnh truyền thông, hợp tác quốc tế và xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào học ngoại ngữ*

- Việc tổ chức truyền thông về việc dạy và học ngoại ngữ;

- Việc tổ chức triển khai hợp tác, hội nhập quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ;



- Việc phát triển và nhân rộng mô hình tự học, tự nâng cao trình độ và sử dụng ngoại ngữ; tăng cường xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào giáo viên, giảng viên, sinh viên cùng học ngoại ngữ;

- Việc xây dựng, giới thiệu các chương trình ngoại ngữ, hoạt động sử dụng ngoại ngữ trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng, tạo cơ hội tiếp cận ngoại ngữ cho nhiều đối tượng khác nhau;

- Việc phát động phong trào học ngoại ngữ sâu rộng trong các nhà trường và đơn vị.

#### *1.7. Hoạt động đảm bảo chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên*

Các hoạt động liên quan việc thực hiện chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ. Trong trường hợp đơn vị chưa triển khai thực hiện chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ thì cần cung cấp lộ trình/kế hoạch thực hiện nhiệm vụ này.

#### *1.8. Công tác xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ*

- Các hoạt động, minh chứng thể hiện việc xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ tại đơn vị;

- Việc nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo cơ chế tự chủ;

- Việc nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của các trung tâm ngoại ngữ trực thuộc trong việc dạy và học ngoại ngữ ngoài nhà trường.

#### *1.9. Hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đánh giá*

Đơn vị liệt kê các hoạt động hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, đánh giá dạy và học ngoại ngữ tại đơn vị;

- + Tổng số hoạt động đã tổ chức;

- + Tổng số giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên đã tham gia;

#### *1.10. Hoạt động nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án*

- Việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án cho đội ngũ cán bộ quản lý Đề án tại đơn vị;

- Việc thực hiện báo cáo trực tiếp và trực tuyến theo hướng dẫn của đơn vị và Bộ GDĐT;

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất việc triển khai thực hiện Đề án tại đơn vị.

#### *1.11. Các hoạt động khác (nếu có)*



## **2. Tình hình sử dụng kinh phí được giao thực hiện các nhiệm vụ của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân**

### *2.1. Ngân sách trung ương*

- Kinh phí được giao
- Kinh phí quyết toán
- Nhiệm vụ thực hiện
- Kết quả đạt được

### *2.2. Ngân sách đơn vị*

- Kinh phí được giao
- Kinh phí quyết toán
- Nhiệm vụ thực hiện
- Kết quả đạt được

## **3. Đánh giá chung**

### *3.1. Thuận lợi*

### *3.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân*

## **4. Đề xuất, khuyến nghị**

### *4.1. Với Chính phủ*

### *4.2. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo*

#### **Nơi nhận:**

- Bộ GDĐT;
- BQL Đề án NNQG;
- ...
- Lưu: ...

#### **Lãnh đạo của cơ quan/đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Tên đơn vị:

**BẢNG 1 SỐ LƯỢNG GIẢNG VIÊN, HỌC VIÊN, SINH VIÊN NGOẠI NGỮ**

*liều dành cho các ĐH, trường ĐH, CĐ*

**Năm:**

STT		GIẢNG VIÊN									HỌC VIÊN, SINH VIÊN									Ghi chú	
		Tổng số	Tiếng Anh	Dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Hàn	Tiếng Nhật	Tiếng Pháp	Ngoại ngữ khác	Tổng số	Tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Hàn	Tiếng Nhật	Tiếng Pháp		Ngoại ngữ khác
1	Theo trình độ đào tạo																				
	Tiến sĩ																				
	Thạc sĩ																				
	Cử nhân/kỹ sư (ĐH)																				
	Cử nhân (CĐ)																				
	Trình độ khác																				
2	Theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam																				
	Đạt trình độ bậc 5 và tương đương																				
	Đạt trình độ bậc 6 và tương đương																				
	Chưa đạt chuẩn																				
	Chưa rà soát																				

Ghi chú:

(1) Theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tương đương

**Người lập**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ....  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:

**BẢNG 2.1 SỐ LƯỢNG GIÁNG VIÊN, CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*Biểu dành cho các ĐH, trường ĐH, CĐ*

**Năm:**

STT	Tên khóa bồi dưỡng	Tên đơn vị tổ chức bồi dưỡng	Tên/loại bài thi cuối khóa	Tên đơn vị tổ chức thi cuối khóa	Số lượng giảng viên được bồi dưỡng	Nguồn kinh phí (Triệu đồng)		Thời gian bắt đầu tổ chức (ngày/tháng)	Loại hình bồi dưỡng (Đánh dấu x)			Thời lượng khóa bồi dưỡng (tiết)					Kết quả đầu ra <sup>1</sup> (số lượng giáo viên)						Ghi chú		
						NSTW	NSDV		Trong nước	Liên kết	Nước ngoài	Trực tiếp	Trực tuyến	Kết hợp			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6			
														Trực tiếp	Trực tuyến	Tổng									
I	Giảng viên ngoại ngữ																								
1																									
2																									
3																									
4																									
5																									
6																									
7																									
II	Giảng viên dạy chuyên ngành bằng ngoại ngữ																								
8																									
9																									
10																									
11																									
12																									
13																									
14																									
15																									
16																									
III	Cán bộ, công chức, viên chức (ngoài giáo viên ngoại ngữ)																								
17																									
18																									
19																									
20																									
					Tổng																0	0	0	0	0

Ghi chú:

(1) Theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tương đương.

Người lập  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:

**BẢNG 2.2. SỐ LƯỢNG GIÁNG VIÊN ĐƯỢC BỒI DƯỠNG,  
TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC GIÁNG DẠY NGOẠI NGỮ, CHUYÊN NGÀNH BẢNG NGOẠI NGỮ**  
*Biểu dành cho các ĐH, trường ĐH, CĐ*  
**Năm:**

ST T	Tên khóa bồi dưỡng, tập huấn	Đơn vị bồi dưỡng, tập huấn	Số lượng giảng viên được bồi dưỡng	Nguồn kinh phí (Triệu đồng)		Thời gian bắt đầu - kết thúc (ngày/tháng - ngày/tháng)	Loại hình tập huấn, bồi			Thời lượng khóa bồi dưỡng					Số người đạt chứng chỉ/ chứng nhận	Tên chứng chỉ/chứng nhận	Ghi chú
				NSTW	NSDV		Trong nước	Liên kết	Nước ngoài	Trực tiếp	Trực tuyến	Kết hợp					
I	Giảng viên ngoại ngữ																
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
7																	
8																	
9																	
II	Giảng viên dạy chuyên ngành bảng ngoại ngữ																
10																	
11																	
12																	
13																	
14																	
15																	
	Tổng														0		

Người lập  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)



Tên đơn vị:

**BẢNG 3.1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ÁP CHUẨN ĐẦU RA MÔN NGOẠI NGỮ<sup>1</sup>**

*Biểu dành cho các ĐH, trường ĐH, CĐ*

**Năm:**

**I. Dành cho sinh viên chuyên ngành ngoại ngữ/xu phạm ngoại ngữ**

STT	Chương trình đào tạo			Số lượng sinh viên đang học chương trình		Năm áp chuẩn	Chuẩn đào tạo đang áp dụng cho sinh viên ra trường				Số lượng sinh viên đạt chuẩn	Bài thi đánh giá						Ghi chú
	Tên chương trình	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ môn ngoại ngữ	Tổng số sinh viên	Sinh viên năm cuối		Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4		Tên bài thi <sup>3</sup>	Năm bắt đầu áp dụng	Mức điểm chuẩn	Loại chuẩn <sup>4</sup>			
															Quốc tế	Quốc gia	Nội bộ	
1																		
2																		
3																		
4																		

**II. Dành cho sinh viên chuyển ngành khác (không phải ngoại ngữ)**

STT	Chương trình đào tạo			Số lượng sinh viên đang học chương trình		Năm áp chuẩn	Chuẩn đào tạo đang áp dụng cho sinh viên ra trường				Số lượng sinh viên đạt chuẩn	Bài thi đánh giá						Ghi chú
	Tên chương trình	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ môn ngoại ngữ	Tổng số sinh viên	Sinh viên năm cuối		Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4		Tên bài thi <sup>3</sup>	Năm bắt đầu áp dụng	Mức điểm chuẩn	Loại chuẩn <sup>4</sup>			
															Quốc tế	Quốc gia	Nội bộ	
1																		
2																		
3																		
4																		

Ghi chú:  
(1) Theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.  
(2) Số tín chỉ các môn thực hành tiếng.  
(3) Tên bài thi: VSTEP/TOEIC/TOEFL/IELTS/Khác (ghi cụ thể tên các bài thi áp dụng).  
(4) Loại chuẩn: Quốc tế (QT), Quốc gia (QG), Nội bộ (NB).

**Người lập**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Tên đơn vị:**

**BẢNG 3.2. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHƯA ÁP CHUẨN ĐẦU RA MÔN NGOẠI NGỮ**

*Biểu dành cho các ĐH, trường ĐH, CĐ*

**Năm:**

**I. Dành cho sinh viên chuyên ngành ngoại ngữ/sư phạm ngoại ngữ**

[illegible]

## II. Dành cho sinh viên chuyên ngành khác (không phải ngoại ngữ)

[illegible]

*Ghi chú:*

*(1) Lộ trình áp chuẩn và mức chuẩn: Ghi rõ mức chuẩn (Bậc 1/Bậc 2/ Bậc 3/Bậc 4/Bậc 5) vào năm tương ứng*

*(2) Tên bài thi: VSTEP/TOEIC/TOEFL/IELTS/Khác (ghi cụ thể tên các bài thi áp dụng).*

**Người lập**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Tên đơn vị:

**BẢNG 4. CÁC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH DẠY BẢNG NGOẠI NGỮ**

*Biểu dành cho các ĐH, trường ĐH, CĐ*

**Năm:**

STT	Tên ngành/chuyên ngành	Ngoại ngữ giảng dạy	Tổng số giảng viên giảng dạy	Tổng số sinh viên theo học	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					

**Người lập**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

....., ngày ... tháng ... năm ...  
**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

Tên đơn vị:

**BẢNG 5. HỘI NGHỊ, HỘI THẢO, TẬP HUẤN VỀ  
ĐỔI MỚI DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ DO ĐƠN VỊ TỔ CHỨC**

*Biểu dành cho các ĐH, trường ĐH, CĐ*

**Năm: 2019**

TT	Tên hội nghị/hội thảo/tập huấn	Nội dung	Thành phần	Số lượng Đại biểu	Kinh phí		Ghi chú
					TW	ĐV	
I. Hội nghị							
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
II. Hội thảo							
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
III. Tập huấn							
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Người lập  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)



Tên đơn vị:

**BẢNG 6.1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO KINH PHÍ TRUNG ƯƠNG**

*Biểu đính cho các DT, trường DT, CD*

*Năm:*

STT	Nhiệm vụ được giao	Nội dung thực hiện	Kết quả thực hiện (kết quả/sản phẩm)	Kinh phí được giao	Kinh phí quyết toán	Ghi chú
1						
2						

Người lập  
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày ... tháng ... năm ...  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:

BẢNG 6.2. TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ QUỐC GIA - CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG  
Biểu dành cho các ĐH, trường ĐH, CD  
Năm:

Đơn vị tính: triệu đồng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
STT	Đơn vị	Kế hoạch	Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang					Kinh phí thực nhận trong năm					Kinh phí được sử dụng trong năm					Kinh phí đã sử dụng để nghị quyết toán					Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển năm sau					Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
			Tổng cộng	Nguồn NSNN				Tổng cộng	Nguồn NSNN				Tổng cộng	Nguồn NSNN				Tổng cộng	Nguồn NSNN				Tổng cộng	Nguồn NSNN				Số tài khoản	Số xếp																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
				Cộng	TW	DV	Viện trợ		Cộng	TW	DV	Viện trợ		Cộng	TW	DV	Viện trợ		Cộng	TW	DV	Viện trợ		Cộng	TW	DV	Viện trợ			Cộng	TW	DV	Viện trợ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
																																		Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	Kinh phí khác	đơn tài	trả Ns																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
	Tổng cộng :																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											

Người lập  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người lập  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)

**Tên đơn vị:**

**BẢNG 6.3. DANH MỤC CÁC GÓI THẦU THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ QUỐC GIA THEO NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**

Biểu dành cho các ĐH, trường ĐH, CĐ

**Nām:**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên gói thầu	Quyết định giao dự toán	Quyết định phê duyệt thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian thực hiện từ (năm... đến năm...)	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị trúng thầu	Căn cứ lệch	Ghi chú
1	2	3		4	5	6	7	8=7-6	9
	<b>Tổng Cộng</b>								

**Người lập**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...  
**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

Tên đơn vị:

BẢNG 6.4. DANH SÁCH TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ QUỐC GIA

Biểu dành cho ĐH, trường ĐH, CĐ

Năm:

STT	Tên Tài sản	Đơn vị thụ hưởng, sử dụng trực tiếp (Trường, Trung tâm, ...)	Thời gian tiếp nhận, bàn giao (tháng, năm)	Số lượng	Đơn vị tính (chiếc, bộ, cái, quyển, ...)	Theo hồ sơ mua sắm hoặc tiếp nhận			Ghi chú
						Năm sản xuất	Xuất xứ	Giá trị (triệu đồng)	
A	Do các bộ, ngành, đơn vị sử dụng trực tiếp thực hiện								
B	Do được tiếp nhận từ Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc các cơ quan, đơn vị bên ngoài, nếu có)								

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:

**Bảng 8. DANH SÁCH GIÁO VIÊN TIẾNG ANH CÁC CẤP HỌC PHỔ THÔNG ĐƯỢC THAM GIA CÁC KHÓA BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ, NĂNG LỰC SỰ PHẠM THEO KINH PHÍ ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ QUỐC GIA**  
(Dành cho các đơn vị tổ chức bồi dưỡng theo kinh phí trung ương)

Năm:

Năm:	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác		Trình độ NN trước bồi dưỡng <sup>1</sup>	Trình độ NN đạt được sau bồi dưỡng <sup>2</sup>	Tên khóa bồi dưỡng năng lực sự phạm	Ghi chú
					Tên trường	Sở GDĐT				
1										
2										

Ghi chú:

(1), (2) Trình độ NN theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương

**Người lập**  
(Ký và ghi rõ họ tên)